

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/HS-ST
Ngày 10/10/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH KIÊN GIANG**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Công Út.
2. Bà Nguyễn Thị Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng T - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 N 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công KH vụ án hình sự thụ lý số 44/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 9 N 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 9 N 2019 đối với bị cáo:

Lê Văn V (Tên gọi khác: Văn Play Boy), sinh N: 1989, tại: tỉnh Hậu Giang. Nơi cư trú: Ấp Cống Tre, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Dư và bà Nguyễn Thị T; bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án: N 2007 bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, đã xóa án tích; tiền sự: N 2013 bị Chủ tịch Ủy ban nhân huyện K ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16/5/2019, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt.

- Bị hại:

1/ Ông Phạm Văn Mười H, sinh N: 1961. Nơi cư trú: Tổ 5, ấp Kiên T, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin vắng mặt.

2/ Ông Lê Hoàng D, sinh N: 1968. Nơi cư trú: Tổ 10, ấp Thạnh Lợi, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Lê Minh N, sinh N: 1997. Nơi cư trú: ấp Núi Trầu, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin vắng mặt.

2/ Bà Nguyễn Thị T, sinh N: 1957. Nơi cư trú: Tổ 12, ấp Công Tre, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt.

3/ Ông Đỗ Văn T, sinh N: 1970. Nơi cư trú: Tổ 12, khu phố Ngã Ba, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin vắng mặt.

4/ Ông Nguyễn Sĩ N, sinh N: 1979. Nơi cư trú: Tổ 01, ấp Lung Lớn, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin vắng mặt.

5/ Ông Lê Văn T, sinh N: 1988. Nơi cư trú: Tổ 04, ấp Càng, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin vắng mặt.

6/ Ông Đỗ Văn V, sinh N: 1977. Nơi cư trú: Tổ 01, ấp Rạch Đùng, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin vắng mặt.

7/ Ông Võ Minh T, sinh N: 1958. Nơi cư trú: Tổ 08, ấp Công Tre, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin vắng mặt.

8/ Bà Nguyễn Ngọc N, sinh N: 1957. Nơi cư trú: Tổ 10, ấp Rạch Đùng, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin vắng mặt.

9/ Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày: 06/10/2001. Nơi cư trú: Tổ 03, ấp Công Tre, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt.

- Người đại diện hợp pháp của Nguyễn Văn T: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Bé N là cha, mẹ ruột của T. Nơi cư trú: Tổ 03, ấp Công Tre, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ ngày 14/5/2019, Lê Văn V chạy xe mô tô mượn của Nguyễn Văn T đi từ nhà đến Kênh 13 thuộc ấp Kiên T, xã K, huyện K để chơi tài xỉu. Đến 01 giờ sáng ngày 15/5/2019, trên đường về khi đi qua Nng nhà của ông Phạm Văn Mười H tại xã K, huyện K phát hiện 01 cây mai bông vàng chu vi sát gốc 41cm, chiều cao 260cm đang trồng dưới đất trước cửa nhà ông H nên V đến nhổ cây mai đem cất giấu cách nhà ông H khoảng 200m rồi chạy xe về nhà.

Khoảng 05 sáng giờ cùng ngày V chạy xe mô tô đến điểm cất giấu để chở cây mai về nhưng do cây mai có kích thước lớn nên không chở được, lúc này V thấy người dân chạy vô máy đi mua tôm là người quen nên V có nhờ họ chở hộ cây mai về cho V. Về đến nhà V trồng cây mai xuống đất trong vườn nhà. Sau khi trồng xong V thỏa thuận bán lại cho ông Lê Minh N với số tiền là 5.000.000 đồng. Đến ngày 16/5/2019 khi V đang giao nhận cây mai với N thì bị Công an bắt quả tang.

Với thủ đoạn tương tự V còn thực hiện nhiều vụ trộm cắp khác cụ thể như sau:

Vào đêm ngày 01/5/2019 V chạy xe mô tô mượn của T đi từ nhà đến xã B, huyện K tìm cây kiểng để trộm cắp. Đến khoảng 00 giờ ngày 02/5/2019 V phát hiện tại nhà của ông Đỗ Văn V có 01 cây mai chu vi sát gốc 30cm, cao 160cm đang trồng trong chậu để trước cửa nhà. V nhổ cây mai để lên yên xe chở về nhà. Trên đường về thị V phát hiện nhà của bà Nguyễn Ngọc N có 02 cây mai đang trồng trong chậu để trong sân nhà nên V đem cây mai nhà ông V đi cất giấu. Sau đó V quay lại nhà bà N nhổ cây mai có chu vi 35cm, cao 180cm đem đi cất giấu, cây mai còn lại do rễ bám sâu nên không nhổ được. Đến 06 giờ sáng V mượn vô máy chạy đến điểm giấu 02 cây mai nhưng chỉ tìm gặp được cây mai trộm của ông V, còn cây mai trộm của bà N thì không tìm thấy. Sau khi đem cây mai trộm được về đến nhà thì V trồng xuống đất trong vườn nhà.

Vào khoảng 01 giờ sáng ngày 03/5/2019 V chạy xe mô tô mượn của T đi từ nhà đến xã H, huyện K tìm cây kiểng để trộm cắp. V phát hiện có 02 cây mai đang trồng trong chậu trước cửa nhà của ông Lê Hoàng D. V dùng tay nhổ trộm 02 cây mai, 01 cây có chu vi sát gốc 41cm, cao 78cm và 01 cây có chu vi sát gốc 49cm, cao 118cm để lên yên xe chở về nhà, về đến nhà V trồng 02 cây mai xuống đất trong vườn nhà.

Ngoài ra cơ quan điều tra còn phát hiện trong vườn nhà của V có 01 bụi bông trang có chu vi sát gốc 59cm, cao 140cm, tán rộng 150cm của ông Đỗ Văn T mất vào ngày 15/5/2019. 01 cây khế kiểng có chu vi sát gốc 38cm, cao 160cm của ông Võ Minh T mất vào ngày 10/5/2019. 01 cây mai kiểng bông vàng có chu vi sát gốc 31cm, cao 62cm của ông Nguyễn Sĩ N mất vào ngày 09/5/2019. Đồng thời qua kết quả xác minh ông Lê Minh N có mua 01 cây mai kiểng bông vàng của Lê Văn V có chu vi sát gốc 60cm, cao 70cm với giá là 2.500.000 đồng của ông Lê Văn T mất vào khoảng tháng 4/2019, tuy nhiên cơ quan điều tra chưa có đủ chứng cứ chứng minh hành vi trộm cắp của Lê Văn V.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 20/BKL-HĐĐGTS, ngày 09/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K, tỉnh Kiên Giang, kết luận:

- 01 (Một) cây mai kiểng có chu vi (Bề hoành) sát gốc 41cm, cao 260cm, có giá trị là 4.000.000 đồng;

- 01 (Một) bụi bông trang có chu vi (Bề hoành) sát gốc 59cm, cao 140cm, tán rộng 150cm có giá trị là 2.500.000 đồng;

- 01 (Một) cây mai kiểng có chu vi (Bề hoành) sát gốc 31cm, cao 62cm, có giá trị là 600.000 đồng;

- 01 (Một) cây mai kiểng có chu vi (Bề hoành) sát gốc là 41cm, cao 78cm, có giá trị là 1.100.000 đồng;

- 01 (Một) cây mai kiểng có chu vi (Bề hoành) sát gốc là 30cm, cao 160cm, có giá trị là 830.000 đồng;

- 01 (Một) cây mai kiểng có chu vi (Bề hoành) sát gốc là 49cm, cao 118cm, có giá trị là 1.600.000 đồng;

- 01 (Một) cây khế kiểng có chu vi (Bề hoành) sát gốc là 38cm, chiều cao N cây là 160cm, chiều cao thân cây là 50cm, có giá trị là 550.000 đồng;

- 01 (Một) cây mai kiểng có chu vi (Bề hoành) sát gốc là 35cm, cao 180cm, có giá trị là 350.000 đồng;

- 01 (Một) cây mai kiểng có chu vi (Bề hoành) sát gốc là 60cm, cao 70cm, có giá trị là 8.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm có: 1/ 01 cây mai kiểng có chu vi sát gốc 41cm, cao 260cm của ông Phạm Văn Mười H; 2/ 01 bụi bông trang có chu vi sát gốc 59cm, cao 140cm, tán rộng 150cm của ông Đỗ Văn T; 3/ 01 cây mai kiểng có chu vi sát gốc 31cm, cao 62cm của ông Nguyễn Sĩ N; 4/ 01 cây mai kiểng có chu vi sát gốc là 41cm, cao 78cm của ông Lê Hoàng D; 5/ 01 cây mai kiểng có chu vi sát gốc là 49cm, cao 118cm của ông Lê Hoàng D; 6/ 01 cây mai kiểng có chu vi sát gốc là 30cm, cao 160cm của ông Đỗ Văn V; 7/ 01 cây khế kiểng có chu vi sát gốc là 38cm, chiều cao N cây là 160cm, chiều cao thân cây là 50cm của ông Võ Minh T; 8/ 01 cây mai kiểng có chu vi sát gốc là 35cm, chiều cao là 180cm của bà Nguyễn Ngọc N; 9/ 01 cây mai kiểng có chu vi sát gốc là 60cm, chiều cao là 70cm của ông Lê Văn T; 10/ 01 chiếc xe mô tô BKS số 68K1-215.02, nhãn hiệu Yamaha, màu xanh bạc (Đã qua sử dụng). Hiện tất cả các vật chứng nêu trên đã trao trả cho chủ sở hữu.

Tại Bản cáo trạng số 43/CT-VKSKL, ngày 11/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo Lê Văn V về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên bị áp dụng T tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra bị cáo đã biết ăn năn hối cải, T khẩn KH báo nên được áp dụng T tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ N quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với Lê Văn V, tuyên bố bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản, xử phạt bị cáo từ 01 N đến 01 N 06 tháng tù giam.

Đề nghị việc xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời nhận tội của bị cáo Lê Văn V tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời KH tại cơ quan điều tra, lời KH của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản cũng như các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 03/5/2019 V đã có hành vi trộm cắp 02 cây mai kiểng của ông Lê Hoàng D có tổng giá trị là 2.700.000 đồng. Ngày 15/5/2019 V đã có hành vi trộm cắp 01 cây mai kiểng của ông Phạm Văn Mười H có giá trị là 4.000.000 đồng. Như vậy, hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo V đủ yếu tố cấu T tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ

luật Hình sự: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 N hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 N....”. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đối với hành vi trộm cắp cây mai kiểng có giá trị là 830.000 đồng của ông Đỗ Văn V và 01 cây mai kiểng có giá trị là 350.000 đồng của bà Nguyễn Ngọc N thì không có đủ yếu tố cấu T tội phạm do tài sản có giá trị dưới 2.000.000 đồng. Đối các tài sản bị mất trộm còn lại là các cây mai kiểng, khế kiểng, bụi bông trang của các ông Nguyễn Sĩ N, Võ Minh T, Lê Văn T, Đỗ Văn T thì V KH do đối tượng tên Vũ nhà ở xã Linh Huỳnh, huyện Hòn Đất và đối tượng tên Keo nhà ở khu vực Mo So thuộc ấp Ba Núi, xã Bình An, huyện K đem bán lại cho bị cáo, qua xác minh thì không xác định được nhân thân, lai lịch của các đối tượng trên nên chưa có cơ sở xem xét trách nhiệm của bị cáo và các đối tượng này, khi nào xác minh làm rõ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất mức độ phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến T hình an ninh, trật tự tại địa phương, bị cáo nhận thức được quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân luôn được pháp luật bảo vệ, mà bất kỳ ai có hành vi xâm phạm trái phép đều bị xử lý nghiêm nhưng với bản chất lười lao động muốn có tiền tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu cá nhân bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên cần xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về nhân thân, T tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu thể hiện vào N 2007 bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, đã xóa án tích. N 2013 bị Chủ tịch Ủy ban nhân huyện K ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh. Bị cáo phạm tội 02 lần chờ lên nên phải chịu T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo T khản KH báo, ăn năn hối cải, nên cho bị cáo hưởng T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về vật chứng trong vụ án: Ghi nhận Quyết định xử lý vật chứng số 833/QĐ, ngày 26/7/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện K, tỉnh Kiên Giang về việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì khác. Riêng đối đối với cây mai kiểng của bà Nguyễn Ngọc N bị mất, bị cáo và gia đình đồng ý trao trả lại 01 cây mai kiểng

tương tự, bà N đồng ý nhận và không có yêu cầu gì khác. Đã trả lại 01 chiếc xe mô tô BKS số 68K1-215.02, nhãn hiệu Yamaha, màu xanh bạc cho chủ sở hữu và không có yêu cầu gì khác.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình khắc phục lại cho ông Lê Minh N số tiền 4.000.000 đồng, bao gồm tiền mua cây mai kiểng mà ông Lê Văn T bị mất là 2.500.000 đồng và 1.500.000 đồng ông N đưa tiền cọc cho V để mua 02 cây mai kiểng vào ngày 16/5/2019.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn V (Văn Play Boy) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn V 01 (Một) N 06 (Sáu) tháng tù giam, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/5/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện khắc phục xong, không ai có yêu cầu gì khác nên miễn xét.

3. Về xử lý vật chứng: Tất cả các tài sản đều đã được trao trả cho chủ sở hữu, không ai có yêu cầu gì khác nên miễn xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang; **Thẩm phán -**

Chủ tọa phiên tòa

- Công an H. K;
- VKSND H. K;
- Chi cục THADS H. K;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Pho